

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-PT
Ngày 17/7/2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Xuân Huế
Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Ân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế: Bà Vũ Thị Liên Hoa
- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T. Trụ sở: Số 2C đường Ph, phường B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Các ông Lê Văn V, Ngô Tiến Th – Nhân viên Ngân hàng T, chi nhánh Huế. Địa chỉ: Số 50 đường H, phường T, thành phố Huế (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-SGB-CN HUE ngày 01/6/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Trọng H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn B, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 10/01 đường L, phường T, thành phố Huế. Nơi ở hiện nay: Số 01 đường T, phường V, thành phố Huế. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần T, sinh năm 1947 và bà Phan Thị G, sinh năm: 1951. Cùng địa chỉ: Số 32 đường T, phường P, thành phố Huế. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Phan Trọng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nội dung được tóm tắt như sau:*

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024; đơn khởi kiện bổ sung; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Thứ nhất, về số tiền cho vay:

Ngày 12/7/2017, giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Phan Trọng H ký kết Hợp đồng tín dụng số: 318/2017/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ số 01/2017/GNN-CN giải ngân cho vay số tiền 5.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 11%/1 năm; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả lãi 10%/1 năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn trả gốc vào cuối kỳ, trả lãi ngày 25 hàng tháng. Số tiền 5.000.000.000 đồng được giải ngân qua tài khoản của ông Phan Trọng H tại Ngân hàng T.

Thứ hai, về tài sản đảm bảo: Số tiền vay được bảo đảm bằng tài sản sau đây: Quyền sử dụng đất thửa đất số: B1, tờ bản đồ số: .., diện tích 384,5m² đất ở tọa lạc tại địa chỉ: Xã Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA368631 được Ủy ban Nhân dân huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 26/01/2010 đứng tên ông Trần T, bà Phan Thị G.

Vật phụ của tài sản thế chấp thuộc tài sản thế chấp. Trường hợp tài sản thế chấp được bảo hiểm thì số tiền bảo hiểm thuộc tài sản thế chấp.

Nếu tài sản thế chấp bị quy hoạch, giải tỏa theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì toàn bộ tài sản đền bù cũng thuộc tài sản thế chấp. Nếu tài sản thế chấp bị thiệt hại do lỗi của bên thứ ba, thì số tiền đền bù cũng thuộc tài sản thế chấp.

Toàn bộ các tài sản thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số: 104/HĐBĐ-2015 ngày 21/8/2015, ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Trần T, bà Phan Thị G, có xác nhận của người vay vốn là ông Phan Trọng H, được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/8/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình vay vốn ông Phan Trọng H không thanh toán được tiền gốc, chỉ thanh toán được số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 04/01/2018 là 250.136.986 đồng nên chuyển sang nợ quá hạn, hiện nay là nhóm 4 nên ngày 12/12/2018, giữa Ngân hàng T và Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Công ty VAMC) ký kết Hợp đồng mua, bán nợ (Thanh toán bằng trái phiếu đặc

biệt) số: 5641/2018/MBN.VAMC1-SAIGONBANK; kèm theo bảng chi tiết các khoản nợ, tài sản bảo đảm. Đến ngày 20/11/2023, giữa Công ty VAMC và Ngân hàng T ký kết Hợp đồng mua, bán nợ số: 950/2023/BN.VAMC-SAIGONBANK; kèm theo các Phụ lục 01, 02.

Ngân hàng T, Chi nhánh Huế nhiều lần làm việc với ông Phan Trọng H nhưng không có kết quả; tìm kiếm khách hàng để xử lý tài sản thế chấp cũng không có kết quả. Tính đến ngày 31/10/2024, ông Phan Trọng H còn nợ Ngân hàng T số tiền 10.702.130.834 đồng, trong đó: Tiền gốc 5.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 299.863.014 đồng, tiền lãi quá hạn 5.205.410.959 đồng, tiền lãi chậm trả 196.856.861 đồng. - Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2024 trở về sau thì ông Phan Trọng H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 318/2017/HĐTDTL-CN và Giấy nhận nợ số: 01/2017/GNN-CN cùng ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

Trường hợp ông Phan Trọng H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi bán tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số tiền gốc, tiền lãi, chi phí phát mãi tài sản thì yêu cầu ông Phan Trọng H, ông Trần T, bà Phan Thị G cùng có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ theo thoả thuận điểm J khoản 6.2 Điều 6; điểm c khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số: 104/HĐBĐ-2015 ngày 21/8/2015, ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Trần T, bà Phan Thị G; có xác nhận của người vay vốn là ông Phan Trọng H.

* Đối với Đoạn 2, 3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số: 104/HĐBĐ- 2015 ngày 21/8/2015, ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Trần T, bà Phan Thị G; có xác nhận của người vay vốn là ông Phan Trọng H có đoạn ghi: “Tổng dư nợ vay và bảo lãnh của Bên C tại Bên A không vượt quá 5.000.000.000 đồng thì đại diện Ngân hàng T giải thích, làm rõ như sau: Tổng dư nợ vay và bảo lãnh là tổng dư nợ gốc của các khoản vay và tổng dư nợ gốc của các khoản bảo lãnh tại mọi thời điểm là không vượt quá 5.000.000.000 đồng như trong Hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Phần lãi phát sinh không đề cập trong Điều 1, các khoản lãi phát sinh thực tế được tính đến ngày người vay thanh toán khoản nợ gốc của khoản vay và nợ gốc của các khoản bảo lãnh liên quan.

- Quá trình hòa giải người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Trọng H là ông Trần Ngọc T trình bày: Thừa nhận quá trình tiến hành thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ giữa ông Phan Trọng H và Ngân hàng T, Chi nhánh Huế. Quá trình thực hiện các giao dịch rút tiền, thanh toán tiền đúng như đại diện Ngân hàng T trình bày. Thừa nhận toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng T. Về lý do không thanh toán được tiền nợ cho Ngân hàng T do kinh tế gặp khó khăn nên ông Phan Trọng H không thể thanh toán theo cam kết, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Đề

ngihtạo điều kiện trong khoảng thời gian thời hạn 5 năm để có thời gian tìm nguồn kinh phí thanh toán cho Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.

Tại bản án sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế) đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

2. Buộc bị đơn ông Phan Trọng H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 31/10/2024 là 10.702.130.834 đồng (Mười tỷ bảy trăm lẻ hai triệu một trăm ba mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng), trong đó: Tiền gốc 5.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 299.863.014 đồng, tiền lãi quá hạn 5.205.410.959 đồng, tiền lãi chậm trả 196.856.861 đồng.

Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2024 trở về sau thì ông Phan Trọng H còn phải tiếp tục chịu theo mức thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 318/2017/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ số: 01/2017/GNN-CN cùng ngày 12/7/2017 ký kết Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Phan Trọng H cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp ông Phan Trọng H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp đã thoả thuận, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số: B1, tờ bản đồ số:, diện tích 384,5m² tại địa chỉ: Xã Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA368631 được Ủy ban Nhân dân huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 26/01/2010 đứng tên ông Trần T, bà Phan Thị G (Tại Công văn số 2073/CNVPĐKĐ ngày 19/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hương Thủy cung cấp thông tin: Thửa đất số: B1, tờ bản đồ số:..., diện tích 384,5m² tại địa chỉ: Xã Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, số phát BA368631, theo bản đồ địa chính năm 2017, cập nhật chỉnh lý năm 2024 thuộc thửa đất số 618, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, tổ 3, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế).

+ Vật phụ của tài sản thế chấp thuộc tài sản thế chấp. Trường hợp tài sản thế chấp được bảo hiểm thì số tiền bảo hiểm thuộc tài sản thế chấp.

+ Nếu tài sản thế chấp bị quy hoạch, giải tỏa theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì toàn bộ tài sản đền bù cũng thuộc tài sản thế chấp. Nếu tài sản thế chấp bị thiệt hại do lỗi của bên thứ ba, thì số tiền đền bù cũng thuộc tài sản thế chấp.

Toàn bộ các tài sản thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số: 104/HĐBĐ-2015 ngày 21/8/2015 ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Trần T, bà Phan Thị G; có xác nhận của người vay vốn là ông Phan Trọng H; công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/8/2015 tại Văn phòng đăng

ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ trên thửa đất không có tài sản gì.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số tiền nợ thì ông Phan Trọng H, ông Trần T, bà Phan Thị G phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ mà các bên đã thoả thuận tại điểm J khoản 6.2 Điều 6; điểm c khoản 7.2 Điều 7 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số: 104/HĐBĐ-2015 ngày 21/8/2015, ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Trần T, bà Phan Thị G; có xác nhận của người vay vốn là ông Phan Trọng H.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 15/11/2024 bị đơn ông Phan Trọng H có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Xin giảm lãi suất các loại.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến cho rằng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ); Người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn đúng chủ thể, có nội dung, thời hạn phù hợp theo quy định tại Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét đối với yêu cầu của đương sự có kháng cáo, các phần khác không có kháng cáo thì Hội đồng xét xử không xem xét. Xét kháng cáo xin giảm lãi suất của bị đơn:

Xét Hợp đồng tín dụng số: 318/2017/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ số: 01/2017/GNN-CN cùng ngày 12/7/2017 ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Phan Trọng H có nội dung, hình thức tuân thủ quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận.

Quá trình vay vốn ông Phan Trọng H không thanh toán được tiền gốc, chỉ thanh toán được số tiền lãi trong hạn đến ngày 04/01/2018 là 250.136.986 đồng khoản nợ chuyển thành nợ xấu nhóm 4 nên Ngân hàng T phải tiến hành bán nợ và mua nợ với Công ty VAMC. Do ông Phan Trọng H vi phạm nghĩa vụ, thời hạn thanh toán nên Ngân hàng T khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Trọng H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 31/10/2024 là 10.702.130.834 đồng, trong đó: Tiền gốc 5.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 299.863.014 đồng, tiền lãi quá hạn 5.205.410.959 đồng, tiền lãi chậm trả 196.856.861 đồng là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2024 trở về sau thì ông Phan Trọng H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 318/2017/HĐTDTL-CN; Giấy nhận nợ số: 01/2017/GNN-CN cùng ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

- Trường hợp ông Phan Trọng H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp đã thoả thuận để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi bán tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán thì ông Phan Trọng H, ông Trần T, bà Phan Thị G phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ mà các bên đã thoả thuận theo quy định tại điểm J khoản 6.2 Điều 6; điểm c khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số: 104/HĐBĐ 2015 ngày 21/8/2015, ký kết giữa Ngân hàng T, Chi nhánh Huế và ông Trần T, bà Phan Thị G; có xác nhận của người vay vốn là ông Phan Trọng H, là có căn cứ.

Từ những phân tích trên và tại phiên Tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn – người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Tòa án khu vực 1- Huế).

[3] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc ông Phan Trọng H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, các Điều 274, 275, 292, 298, 317, 319, 323,

335, 338, 339, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Phan Trọng H, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế).

2. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên ông Phan Trọng H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005638 ngày 26/11/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Huế), ông Hoàng đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- Viện Phúc thẩm VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Huế;
- TAND khu vực 1- Huế;
- Phòng THADS khu vực 1- Huế;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Đào Vi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi